

Số: 10/CV-MAC  
No: 10/CV-MAC

Hải phòng, ngày 22 tháng 04 năm 2026  
Haiphong, April 22, 2026

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**To: Hanoi Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần tập đoàn Macstar
2. Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: MAC
3. Địa chỉ/Address: Số 8A đường Vạn Mỹ, Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/ No.8A Van My street, Ngo Quyen ward, Hai Phong City, Viet Nam.
4. Điện thoại liên hệ/Tel.: 0225.3766561
5. Website: <http://www.macsstar.com.vn>
6. Người thực hiện Công bố thông tin/ Person responsible for disclosing information: *Trịnh Thị Thu Trang/ Mrs. Trinh Thi Thu Trang*
7. Loại thông tin công bố/ Type of information disclosed:  
24h/24 hour: ☐ định kỳ / periodic ☒  
bất thường/abnormal ☐ theo yêu cầu/upon request: ☐
8. Nội dung của thông tin công bố/ Content of the published information:
  - Báo cáo tài chính quý 1/2026/ Financial report for Q1/2026
  - Bản giải trình số liệu quý 1/2026/ Quarterly Data Explanation for Q1/2026
9. Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/4/2026 tại đường dẫn/ This information was published simultaneously on the Company's website on April 22, 2026, at the following link: [macsstar.com.vn/](http://macsstar.com.vn/)  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/ We hereby declare that the information published above is true and accurate, and we assume full legal responsibility for its content.

**Người được ủy quyền CBTT**  
Person authorized to disclose information



**Trịnh Thị Thu Trang**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR**  
**Số 8A đường Vạn Mỹ, Phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ 1 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I.2026**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>184,471,099,318</b>	<b>159,028,987,007</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>103,921,753,237</b>	<b>95,461,356,767</b>
1. Tiền	111		1,246,753,237	3,611,356,767
2. Các khoản tương đương tiền	112		102,675,000,000	91,850,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>55,298,991,032</b>	<b>35,237,763,130</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	55,298,991,032	35,897,471,579
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(659,708,449)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21,298,231,254</b>	<b>24,868,396,324</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11,954,173,820	13,338,788,599
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	-	32,999,400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	9,344,057,434	11,496,608,325
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3,553,766,150</b>	<b>2,845,760,833</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3,591,047,322	2,883,042,005
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.6	(37,281,172)	(37,281,172)
<b>V. Tài sản sinh học ngắn hạn</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa hoặc lấy sp một lần	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
<b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>160</b>		<b>398,357,645</b>	<b>615,709,953</b>
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		138,172,103	88,289,861
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		175,879,307	20,239,121
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		84,306,235	507,180,971
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>359,950,044,977</b>	<b>357,599,843,877</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19,650,000,000</b>	<b>19,650,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	19,650,000,000	19,650,000,000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10,816,683,127</b>	<b>10,021,642,038</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	10,183,051,127	9,388,010,038
<i>Nguyên giá</i>	222		<b>47,989,932,870</b>	<b>47,289,288,182</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(37,806,881,743)	(37,901,278,144)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
<i>Nguyên giá</i>	225		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227		633,632,000	633,632,000
<i>Nguyên giá</i>	228		673,632,000	673,632,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(40,000,000)	(40,000,000)
<b>III. Tài sản sinh học dài hạn</b>	<b>230</b>		-	
1 Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231			
a Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232			
b Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233			
- Nguyên giá	234			
- Giá trị khấu hao lũy kế	235			
2 Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn.	236			
<b>V Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>16,311,627</b>	<b>16,311,627</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		16,311,627	16,311,627
<b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>329,204,801,599</b>	<b>327,652,215,384</b>
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	213,500,000,000	213,500,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	120,600,000,000	120,600,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	900,000,000	900,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264	V.2b	(5,795,198,401)	(7,347,784,616)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	266			
<b>VII. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>262,248,624</b>	<b>259,674,828</b>
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		262,248,624	259,674,828
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>544,421,144,295</b>	<b>516,628,830,884</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>54,519,999,021</b>	<b>32,770,152,031</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53,529,999,021</b>	<b>32,770,152,031</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	17,885,261,811	17,306,662,161
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.09	1,656,449,256	846,532,043
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1,798,744,154	6,983,524,222
5. Phải trả người lao động	315		1,015,382,879	2,994,496,766
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.11	748,926,258	849,410,728
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		216,000,000	216,000,000
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.12	554,044,387	590,762,306
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.14	25,527,334,018	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.13	4,127,856,258	2,982,763,805
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>990,000,000</b>	
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		990,000,000	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-

N: C  
D  
C  
P  
I  
P



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>489,901,145,274</b>	<b>483,858,678,853</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>489,901,145,274</b>	<b>483,858,678,853</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		439,560,690,000	439,560,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1,190,354,900)	(1,200,162,900)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		22,862,255	22,862,255
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		51,507,947,919	45,475,289,498
11. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		44,330,197,045	7,305,541,076
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		7,177,750,874	38,169,748,422
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>544,421,144,295</b>	<b>516,628,830,884</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Đồng Giám đốc



Cáp Trọng Cường

Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 1.2026

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 1/2026	Quý 1/2025	Lũy kế đến 31/03/2026	Lũy kế đến 31/03/2025
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V1.1	38,086,350,135	29,519,685,324	38,086,350,135	29,519,685,324
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.1	38,086,350,135	29,519,685,324	38,086,350,135	29,519,685,324
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	30,984,163,751	23,789,642,611	30,984,163,751	23,789,642,611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,102,186,384	5,730,042,713	7,102,186,384	5,730,042,713
6. Lãi lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	V1.3	2,172,014,385	7,832,470,905	2,172,014,385	7,832,470,905
8. Chi phí tài chính	23	V1.4	(2,078,926,906)	353,976,828	(2,078,926,906)	353,976,828
- Trong đó : Chi phí lãi vay	24		89,164,268	25,145,864	89,164,268	25,145,864
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.5	2,411,881,449	1,785,534,313	2,411,881,449	1,785,534,313
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,941,246,226	11,423,002,477	8,941,246,226	11,423,002,477
12. Thu nhập khác	31	V1.6	52,474,545	177,514,568	52,474,545	177,514,568
13. Chi phí khác	32	V1.7	17,225,743	187,671,491	17,225,743	187,671,491
14. Lợi nhuận khác	40		35,248,802	(10,156,923)	35,248,802	(10,156,923)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,976,495,028	11,412,845,554	8,976,495,028	11,412,845,554
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,798,744,154	2,286,617,591	1,798,744,154	2,286,617,591
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,177,750,874	9,126,227,963	7,177,750,874	9,126,227,963
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thủy Nga

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thủy Nga

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)



Cáp Trọng Cường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

			Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8,976,495,028	11,412,845,554
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.7	94,396,403	759,419,441
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(2,212,294,664)	144,317,589
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3, VI.6	(1,109,260,641)	(130,767,863)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	89,164,268	25,145,864
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5,838,500,394	12,210,960,585
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4,462,699,331	4,379,357,001
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(708,005,317)	107,236,651
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay, thi	11		(842,734,227)	(7,359,624,278)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(52,456,038)	31,462,457
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(19,401,519,453)	27,464,428,161
- Chi phí lãi vay đã trả	14		(89,164,268)	(12,203,469)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,957,753,676)	(8,719,432,300)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17,750,433,254)	28,102,184,808
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,420,568,839)	(13,575,447)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		45,454,545	167,429,091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	-	(43,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,068,610,000	130,767,863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(306,504,294)	(42,715,378,493)



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền thu từ đi vay	33		42,548,317,994	57,535,709,828
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16,030,983,976)	(57,535,709,828)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>26,517,334,018</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>8,460,396,470</b>	<b>(14,613,193,685)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>95,461,356,767</b>	<b>21,909,254,364</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>103,921,753,237</b>	<b>7,296,060,679</b>

Lập, ngày      tháng      năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Tổng Giám đốc



Cấp Trọng Cường



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar (tên cũ: Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	97/48 Đường số 8, khu phố 61, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa	56%	56%	56%	56%
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Vận chuyển container ven biển bằng sà lan thủy nội địa	67,41%	67,41%	67,41%	67,41%
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland (*)	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng, đi thuê hoặc khác	21%	21%	100%	100%

(\*) Mặc dù tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chỉ nắm giữ 21% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Macland (“Macland”), Công ty xác định vẫn có quyền chi phối đối với Macland. Quyền chi phối này được xác lập trên cơ sở các thỏa thuận giữa các cổ đông, theo đó, các cổ đông còn lại thống nhất biểu quyết theo các đề xuất của Công ty đối với các quyết định quan trọng về hoạt động và chính sách tài chính của Macland. Đồng thời, các vị trí quản lý chủ chốt của Macland do Công ty giới thiệu và điều hành. Do đó, Công ty xác định vẫn duy trì quyền kiểm soát và Macland tiếp tục được trình bày là công ty con.

#### *Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên, có trụ sở chính tại Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Tại ngày kết thúc quý I.2026, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 36%.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của quý trước so sánh được với số liệu của quý này.

### 7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có 54 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 54 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo **Thông tư 99/2025/TT-BTC** ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính

Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho các kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế **Thông tư 200/2014/TT-BTC** và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo **Thông tư 99/2025/TT-BTC** ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính, cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc quý.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc quý do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

25  
TY  
IN  
AN  
AR  
AI P



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

#### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc quý nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong quý.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định khác	10



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc quý.

### 9. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **13. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2026	01/01/2026
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.246.753.237	3.611.356.767
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	102.675.000.000	91.850.000.000
<b>Cộng</b>	<b>103.921.753.237</b>	<b>95.461.356.767</b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

###### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Là các cổ phiếu niêm yết.

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	55.298.991.032	56.700.000.000	35.879.708.449	35.220.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải			17.763.130	17.710.000
<b>Cộng</b>	<b>55.298.991.032</b>	<b>56.700.000.000 -</b>	<b>35.897.471.579</b>	<b>35.237.710.000</b>

###### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>213.500.000.000</b>	<b>(5.795.198.401)</b>	<b>213.500.000.000</b>	<b>(7.347.784.616)</b>
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	28.000.000.000	(5.795.198.401)	28.000.000.000	(7.347.784.616)
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	91.000.000.000	-	91.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland	94.500.000.000	-	94.500.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>120.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>120.600.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	120.600.000.000	-	120.600.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>900.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>335.000.000.000</b>	<b>(5.795.198.401)</b>	<b>335.000.000.000</b>	<b>(7.347.784.616)</b>

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	2.800.000	56%	2.800.000	56%
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	9.100.000	67,41%	9.100.000	67,41%
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland	9.450.000	21%	9.450.000	21%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	9.000.000	36%	9.000.000	36%
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	9.000	18,77%	9.000	18,77%



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con :

	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
<b>Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh</b>		
Thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ cho Công ty con		
Mua nguyên vật liệu từ Công ty con		
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Sử dụng dịch vụ và mua hàng hóa của Công ty con	2.536.894.062	2.512.691.052
Doanh thu cho thuê văn phòng, tiền điện, nước	35.653.552	35.570.133

### Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar

Góp vốn vào Công ty con		43.000.000.000
Mua dịch vụ nâng hạ, vận chuyển	199.907.408	
Bán Cont và vật tư		50.400.000
Sử dụng dịch vụ và mua hàng hóa của Công ty con	1.114.281.534	159.490.741

### Công ty Cổ phần Bất động sản Macland

Góp vốn vào Công ty con  
Lợi nhuận phải thu

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.032.477.393</b>	<b>1.027.800.000</b>
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	39.105.836	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar		54.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	993.371.557	973.800.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>10.921.696.427</b>	<b>12.310.988.599</b>
Công ty TNHH Vina Thương mại và Logistics KCS	1.480.060.411	1.808.807.177
Maersk line a/s	5.457.806.755	6.107.478.327
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	673.827.948	612.199.138
Các khách hàng khác	3.310.001.313	3.782.503.957
<b>Cộng</b>	<b>11.954.173.820</b>	<b>13.338.788.599</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		<b>32.999.400</b>
Công ty TNHH Quy hoạch và Kiến trúc Hòa Bình		-
Các nhà cung cấp khác		32.999.400
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>32.999.400</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>610.000.000</b>		<b>1.551.800.000</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Thu hộ phí dịch vụ	610.000.000	-	1.551.800.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>8.734.057.434</b>		<b>9.944.808.325</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (*)	5.700.000.000	-	7.350.000.000	-
Tạm ứng	174.060.698	-	73.562.274	-
Tạm tính doanh thu	2.447.672.284	-	2.456.092.969	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	369.124.452	-	11.953.082	-
Ký cược, ký quỹ	42.000.000	-	52.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.200.000	-	1.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.344.057.434</b>	<b>-</b>	<b>11.496.608.325</b>	<b>-</b>

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (“MTC”) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC (“Hợp đồng 05-15”) ngày 22/04/2015 để triển khai kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác tại lô đất 4,3ha thuộc dự án BP-Motachi ở Đông Nam bán đảo Đình Vũ, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (nay là phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng).

Thực hiện các Phụ lục 01 và 02 ký kết năm 2015, Công ty đã ứng vốn cho MTC, số tiền 35 tỷ VND để bổ sung vốn đầu tư hệ thống hạ tầng.

Theo Phụ lục số 08 ngày 31/12/2020 (hiệu lực từ 01/01/2021 đến 31/7/2022), 2 bên hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác như sửa chữa, bảo trì, vệ sinh container, kho CFS trên diện tích 2,2 ha tại lô đất 4,3 ha và thống nhất thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian 15 năm từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035 thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi.

Theo Phụ lục số 09 ngày 25/07/2022 (hiệu lực từ 01/8/2022), 2 bên thống nhất lại diện tích hợp tác là 3,5 ha tại lô đất 4,3 ha và thời gian thực hiện từ ngày 01/08/2022 đến hết ngày 31/07/2030. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi, được chia làm 2 giai đoạn: (i) Giai đoạn từ 01/08/2022 đến 31/07/2027 (5 năm): chi phí sử dụng bãi 612.500.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 550.000.000 VND/tháng; (ii) Giai đoạn từ 01/08/2027 đến 31/07/2030 (3 năm): chi phí sử dụng bãi 682.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 600.000.000 VND/tháng. Theo thỏa thuận này, từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2029, Công ty sẽ thu hồi được 49.568.551.298 VND (gồm: 35.000.000.000 VND tiền ứng vốn và 14.568.551.298 VND nợ phải thu MTC) qua cần trừ công nợ phí sử dụng bãi. Đến ngày 31/03/2026, Công ty đã thu hồi hết số nợ phải thu là 14.568.551.298 VND và số tiền ứng vốn còn phải thu hồi là **25.350.000.000 VND**, trong đó số phải thu trong năm 2026 là **5.700.000.000 VND** (xem thuyết minh V.5a).

#### 6. Hàng tồn kho

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.402.022.467	(37.281.172)	2.718.737.150	(37.281.172)
Hàng mua đang đi trên đường	24.720.000			
Công cụ, dụng cụ	164.304.855		164.304.855	-
<b>Cộng</b>	<b>3.591.047.322</b>	<b>(37.281.172)</b>	<b>2.883.042.005</b>	<b>(37.281.172)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số đầu quý	30.078.600.204	2.311.727.662	14.466.579.530	339.574.148	92.806.638	47.289.288.182
Mua trong quý			1.350.216.987	70.351.852		1.420.568.839
Thanh lý, nhượng bán			719.924.151			
<b>Số cuối quý</b>	<b>30.078.600.204</b>	<b>2.311.727.662</b>	<b>15.096.872.364</b>	<b>409.926.000</b>	<b>92.806.638</b>	<b>47.989.932.870</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.632.931.978	1.477.180.500	9.315.557.600	133.686.000	30.369.207	16.589.725.285
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn</i>						
Số đầu quý	21.608.985.241	1.971.116.588	13.965.745.534	275.111.464	80.319.317	37.901.278.144
Khấu hao trong quý	440.435.339	29.721.984	142.840.309	10.969.183	1.560.936	625.527.748
Thanh lý, nhượng bán			719.924.151			719.924.151
<b>Số cuối quý</b>	<b>22.049.420.753</b>	<b>2.000.838.565</b>	<b>13.388.661.693</b>	<b>286.080.647</b>	<b>81.880.088</b>	<b>37.806.881.743</b>
<i>Giá trị còn lại</i>						
Số đầu quý	8.469.614.963	340.611.074	500.833.996	64.462.684	12.487.321	9.388.010.038
<b>Số cuối quý</b>	<b>8.029.179.453</b>	<b>310.889.099</b>	<b>1.708.210.671</b>	<b>123.845.353</b>	<b>10.926.550</b>	<b>10.183.051.127</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng		-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý		-	-	-	-	-

### 8. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>13.977.535.679</b>	<b>14.344.712.335</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C (*)	11.559.636.764	11.605.798.000
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	651.471.582	630.513.061
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	1.766.427.333	2.108.401.274
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>3.907.726.132</b>	<b>2.961.949.826</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	371.250.000	370.121.724
Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt	812.189.51	625.713.094
Các nhà cung cấp khác	2.724.286.618	1.966.115.008
<b>Cộng</b>	<b>17.885.261.811</b>	<b>17.306.662.161</b>

(\*) Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C phí dịch vụ kho bãi; Dịch vụ nâng hạ; Dịch vụ giám định, vệ sinh Container; Dịch vụ sửa chữa Container; Dịch vụ vận chuyển Container.

### 9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
<i>Các bên liên quan</i>		<b>844.676.043</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C – Dịch vụ nâng hạ		844.676.043
<i>Các khách hàng khác</i>		<b>1.856.000</b>
Công ty TNHH KT Logistics		
Các khách hàng khác	1.656.449.256	1.856.000
<b>Cộng</b>	<b>1.656.449.256</b>	<b>846.532.043</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2026		01/01/2026	
	Số phải nộp	Số phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa			25.770.546	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.798.744.154		6.957.753.676	
Thuế thu nhập cá nhân		16.460.285		28.272.021
Tiền thuê đất		67.845.950		478.908.950
Cộng	1.798.744.154	84.306.235	6.983.524.222	507.180.971

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu xuất khẩu	0%
- Doanh thu cung cấp nước ngọt	5%
- Doanh thu khác	10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	Quý 1.2026	Quý 1.2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.976.495.028	11.412.845.554
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	17.225.743	20.242.400
- Các khoản điều chỉnh tăng	17.225.743	20.242.400
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	8.993.720.771	11.433.087.954
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	-	-
Thu nhập tính thuế	8.993.720.771	11.433.087.954
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.798.744.154</b>	<b>2.286.617.591</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

Vị trí đất	Diện tích thuê
- 173 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	13.547,2 m <sup>2</sup>
- 8A đường vòng Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	7.904 m <sup>2</sup>

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C (bên liên quan)		-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	748.926.258	849.410.728
<b>Cộng</b>	<b>748.926.258</b>	<b>849.410.728</b>

### 12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2026	01/01/2026
Kinh phí công đoàn	51.261.069	69.100.069
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	156.091.589	156.123.089
Cổ tức phải trả	19.363.850	19.363.850
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	327.327.879	346.175.298
<b>Cộng</b>	<b>554.044.387</b>	<b>590.762.306</b>

### 13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty như sau:

	Quý 1.2026	Quý 1.2025
Số đầu quý	2.982.763.805	2.982.763.805
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.145.092.453	
Chi quỹ		-
<b>Số cuối quý</b>	<b>4.127.856.258</b>	<b>2.982.763.805</b>

### 14. Vay

#### 14a. Vay ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Vay margin tại các công ty chứng khoán		
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	25.527.334.018	
<b>Cộng</b>	<b>25.527.334.018</b>	

#### 14b. Vay dài hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*	990.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>990.000.000</b>	

\* Hợp đồng ngày 26/03/2026, số tiền vay 990.000.000 đồng, nhằm thanh toán bù đắp tài chính một phần chi phí mua xe ô tô. Thời hạn cho vay 05 năm kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Lãi suất cho vay trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu là 8.5%/năm, Hết thời hạn **12 tháng**, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ **1 tháng/01 lần**. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày **26/03/2027**. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng "Lãi suất cơ sở (LsCS) đối với các khoản vay thông thường có thời gian vay vốn **trên 3 năm đến = 5 năm**, kỳ điều chỉnh lãi suất: **1 tháng**" tương ứng với đồng tiền cho vay tại "Biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản cho vay của Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ" được VPBank ban hành và niêm yết trên website: [www.vpbank.com.vn](http://www.vpbank.com.vn) và có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ **3,80 %/năm** ("Mức lãi suất cho vay điều chỉnh"). Tài sản đảm bảo là xe ô tô **FORD EVEREST**.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Vốn chủ sở hữu

##### 15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<i>Năm nay</i>						
Số dư đầu năm	439.560.690.000	(1.200.162.900)	-	22.862.255	45.475.289.498	483.858.678.853
Phát sinh trong quý		9.808.000			7.177.750.874	7,187,558,874
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(1.145.092.453)	(1.145.092.453)
Số dư cuối năm	<u>439.560.690.000</u>	<u>(1.190.354.900)</u>	-	<u>22.862.255</u>	<u>51.507.947.919</u>	<u>489.901.145.274</u>

##### 15b. Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.956.096	43.956.096
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	43.956.096	43.956.096
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	43.956.096	43.956.096
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

##### 15c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 02-2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2026, đại hội đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.145.092.453
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn LNST với tỷ lệ 10% tương ứng giá trị: 43.956.069.000

\*Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đang thực hiện các thủ tục theo quy định để phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông. Dự kiến thời gian hoàn thành vào cuối Quý II hoặc đầu Quý III năm 2026.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Quý 1.2026	Quý 1.2025
Doanh thu bán hàng hóa		50.400.000
Doanh thu dịch vụ KTB & GCCK	37.731.437.190	29.018.847.176
Doanh thu dịch vụ khác	354.912.945	450.438.148
<b>Cộng</b>	<b><u>38.086.350.135</u></b>	<b><u>29.519.685.324</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con đã trình bày tại thuyết minh V.2, các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Quý 1.2026	Quý 1.2025
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C</b>		
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan	2.806.825.525	2.761.342.596



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
<b>Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Đào</b>		
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan	139.908.340	
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng hóa	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Giá vốn dịch vụ khai thác bãi & GCCK	30.699.514.855	34.895.326
Giá vốn dịch vụ khác	284.648.896	23.486.330.839
		268.416.446
<b>Cộng</b>	<u><b>30.984.163.751</b></u>	<u><b>23.789.642.611</b></u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.063.806.096	130.767.863
Lãi đầu tư trái phiếu	4.803.904	
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		7.094.278
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	1.103.404.385	7.694.608.764
Doanh thu tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<u><b>2.172.014.385</b></u>	<u><b>7.832.470.905</b></u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Dự phòng /hoàn nhập tổn thất đầu tư công ty con	89.164.268	25.145.864
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán	(1.552.586.215)	144.317.589
Chi phí tài chính khác	(659.708.449)	
	44.203.490	184.513.375
<b>Cộng</b>	<u><b>(2.078.926.906)</b></u>	<u><b>353.976.828</b></u>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí cho nhân viên	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.199.256.836	1.193.633.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.101.000	6.224.022
Thuế, phí và lệ phí	84.912.864	100.979.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.698.754	41.442.152
Tiền thuê đất	457.966.233	161.804.177
Các chi phí khác	586.945.762	64.801.569
<b>Cộng</b>	<u><b>2.411.881.449</b></u>	<u><b>1.785.534.313</b></u>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
Giá trị thu hồi thanh lý TSCĐ	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Xử lý công nợ phải trả dư lâu ngày	45.454.545	167.429.091
Thu nhập khác	7.020.000	7.085.477
		3.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>52.474.545</b></u>	<u><b>177.514.568</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
<b>Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Đào</b>		
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan	139.908.340	
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Giá vốn của hàng hóa		34.895.326
Giá vốn dịch vụ khai thác bãi & GCCK	30.699.514.855	23.486.330.839
Giá vốn dịch vụ khác	284.648.896	268.416.446
<b>Cộng</b>	<u><b>30.984.163.751</b></u>	<u><b>23.789.642.611</b></u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.063.806.096	130.767.863
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.803.904	
Lãi đầu tư trái phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		7.094.278
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	1.103.404.385	7.694.608.764
Doanh thu tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<u><b>2.172.014.385</b></u>	<u><b>7.832.470.905</b></u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Chi phí lãi vay	89.164.268	25.145.864
Dự phòng /hoàn nhập tổn thất đầu tư công ty con	(1.552.586.215)	144.317.589
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán	(659.708.449)	
Chi phí tài chính khác	44.203.490	184.513.375
<b>Cộng</b>	<u><b>(2.078.926.906)</b></u>	<u><b>353.976.828</b></u>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Chi phí cho nhân viên	1.199.256.836	1.193.633.603
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.101.000	6.224.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.912.864	100.979.104
Thuế, phí và lệ phí	78.698.754	41.442.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.966.233	161.804.177
Tiền thuê đất		64.801.569
Các chi phí khác	586.945.762	216.649.686
<b>Cộng</b>	<u><b>2.411.881.449</b></u>	<u><b>1.785.534.313</b></u>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
	<u>Quý 1.2026</u>	<u>Quý 1.2025</u>
Giá trị thu hồi thanh lý TSCĐ	45.454.545	167.429.091
Xử lý công nợ phải trả dư lâu ngày		7.085.477
Thu nhập khác	7.020.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>52.474.545</b></u>	<u><b>177.514.568</b></u>

0200  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
MACSTAR  
HẢI PHÒNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Chi phí khác

	Quý 1.2026	Quý 1.2025
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý		167.429.091
Chi phí khác	17.225.743	20.671.491
<b>Cộng</b>	<b>17.225.743</b>	<b>187.671.491</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Quý 1.2026	Quý 1.2025
Bù trừ khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với với chi phí sử dụng bãi phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (Thuyết minh V.5b)	1.650.000.000	1.650.000.000

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	Cổ đông lớn (Sở hữu 23,32%)/Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH đầu tư TM	Cổ đông lớn (Sở hữu 32,42%)/Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Đào	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Quý 1.2026	Quý 1.2025
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C</b>		
Sử dụng dịch vụ của bên liên quan	17.868.016.423	14.872.579.597
Mua nguyên vật liệu		

### 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là cung cấp các dịch vụ logistic và đầu tư chứng khoán kinh doanh (các cổ phiếu niêm yết). Thông tin về doanh thu và chi phí của các hoạt động này đã được trình bày tại các Thuyết minh VI.1, VI.2, VI.3 và VI.4. Tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu thuộc lĩnh vực cung cấp dịch vụ logistic. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày tháng 4 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga

Cáp Trọng Cường